



**Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ**

Website: jsde.nctu.edu.vn



Hoạt động ngân hàng tại Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và thách thức

Nguyễn Trần Trọng Vinh^{1*}, Hà Nguyễn Tuyết Minh¹, Lưu Ngọc Trân¹

¹Trường Đại học Nam Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Nguyễn Trần Trọng Vinh (email: nttvinh@nctu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 1/12/2024

Ngày phản biện: 20/12/2024

Ngày duyệt đăng: 15/1/2025

Title: Banking activities in the Mekong Delta: Current status and challenges

Keywords: banking activities, Mekong delta

Từ khóa: đồng bằng sông Cửu Long, hoạt động ngân hàng

ABSTRACT

In the post-COVID-19 era, the Mekong Delta region has experienced a strong economic recovery, following the national trend. The banking system has played a crucial role in this impressive growth. This article delves into the specific role of the banking system in promoting economic development in the Mekong Delta. It also analyzes the current state of banking activities, including capital mobilization, credit allocation, green credit initiatives, and non-cash payment adoption. Furthermore, the article identifies the challenges facing the Mekong Delta's banking system and offers recommendations for addressing them.

TÓM TẮT

Trong bối cảnh sau đại dịch COVID-19, tương tự như diễn biến kinh tế cả nước, kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có sự phục hồi mạnh mẽ trong những năm gần đây. Đóng góp vào sự tăng trưởng ấn tượng này không thể không kể đến vai trò của hệ thống ngân hàng. Bài viết đi sâu vào vai trò của hệ thống ngân hàng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế của ĐBSCL, nêu ra thực trạng của hệ thống ngân hàng trong các lĩnh vực huy động vốn, cấp tín dụng, tín dụng xanh và thanh toán không dùng tiền mặt. Bên cạnh đó, thông qua phân tích các dữ liệu thu thập, bài viết cũng chỉ ra một số thách thức mà hệ thống ngân hàng tại khu vực ĐBSCL sẽ phải đối mặt kèm theo một số kiến nghị.

1. GIỚI THIỆU

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vựa lúa lớn nhất cả nước, sở hữu tiềm năng to lớn về phát triển kinh tế nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, hệ thống sông ngòi dày đặc, nguồn tài nguyên

thiên nhiên phong phú và lực lượng lao động dồi dào. Đây là khu vực có vị trí địa lý chiến lược, giáp biển Đông và là cửa ngõ kết nối với các nước trong khu vực ASEAN, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương và hội nhập kinh tế quốc tế. Với

lợi thế đó, ĐBSCL đang đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng bền vững, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm và phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng.

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh Cần Thơ, trong giai đoạn 2017-2021, tăng trưởng kinh tế vùng ĐBSCL luôn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước. Tuy nhiên, đến 2022, ĐBSCL có sự hồi phục mạnh mẽ với mức tăng trưởng 8,5%. Đây cũng là lần đầu tiên trong vòng một thập kỷ ĐBSCL có mức tăng trưởng cao hơn cả nước. Xu hướng này tiếp tục duy trì trong năm 2023 khi khoảng cách tăng trưởng giữa ĐBSCL và cả nước được nói rộng. Tổng sản phẩm GRDP của vùng ĐBSCL năm 2023 ước tính tăng 6,6% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng GDP 5,1% của cả nước. Về cơ cấu nền kinh tế, ước tính năm 2023 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 29,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 28,3%; khu vực dịch vụ chiếm 37,6% (Cơ cấu tương ứng của năm 2022 là 30,7%; 27,2%; 36,8%) (VCCI và Fulbright, 2023) [9].

Để đạt được thành tựu trên không thể không kể đến vai trò quan trọng của hệ thống ngân hàng tại khu vực ĐBSCL. Đầu tiên, ngân hàng cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính như: huy động vốn, bảo hiểm, tín dụng, chuyển tiền,... đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Các dịch vụ đa dạng này sẽ giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nguồn vốn, quản lý tài chính hiệu quả và tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội. Nguồn vốn này của ngân hàng sẽ hỗ trợ các hộ gia đình, doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh. Ngoài ra, ngân hàng còn cung cấp hệ thống thanh toán qua ngân hàng giúp

cho các giao dịch thương mại diễn ra nhanh chóng, an toàn, hiệu quả. Chính việc sử dụng các dịch vụ thanh toán điện tử góp phần thúc đẩy thương mại điện tử, tiết kiệm chi phí và thời gian cho giao dịch.

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp định tính, so sánh dựa trên các số liệu thứ cấp được nhóm tác giả tổng hợp từ báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng hoạt động tín dụng và huy động vốn của hệ thống ngân hàng tại ĐBSCL

Tính đến 2022, vùng ĐBSCL có 1.972 điểm giao dịch của các tổ chức tín dụng (TCTD), trong đó có 373 chi nhánh cấp I, 1.230 chi nhánh cấp II và phòng giao dịch, 369 quỹ tín dụng nhân dân, 11 chi nhánh tổ chức tài chính vi mô. Với mạng lưới rộng khắp, hệ thống ngân hàng góp phần không nhỏ trong việc phát triển tiềm năng kinh tế địa phương, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp.

Bảng 1. Tình hình giải ngân tín dụng cho ngành nông nghiệp ĐBSCL

ĐVT: tỷ đồng

Năm	2019	2020	2021	2022
Tổng dư nợ tín dụng	661.656	731.535	834.352	976.119
Dư nợ tín dụng nông nghiệp	262.664	288.931	510.721	579.668
Tỷ trọng tín dụng nông nghiệp	40%	39%	61%	59%

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo NHNN

Bảng 1 cho thấy, trong giai đoạn 2019 – 2022, dư nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng tại ĐBSCL tăng trưởng nhanh. Cụ thể, tổng dư nợ

tín dụng tăng từ 661.656 tỷ năm 2019 lên mức 976.119 tỷ đồng, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân đạt trên 10%/năm. Trong đó, đáng chú ý là tỷ trọng tín dụng nông nghiệp tăng mạnh, lần đầu tiên vượt mốc 50% vào năm 2021. Điều này đã thể hiện được sự ưu tiên của các ngân hàng đối với mục tiêu tập trung phát triển ngành nông nghiệp vì đây là ngành thế mạnh, được chú trọng phát triển của vùng.

Ngành nông nghiệp vốn được xem là tiềm ẩn nhiều rủi ro nhưng trong năm 2022 dù tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng ấn tượng nhưng tỷ lệ nợ xấu vẫn được hệ thống ngân hàng tại các địa phương kiểm soát tốt. Cụ thể, các địa phương đều có tỷ lệ xấu dưới 3% (Bảng 2).

Bảng 2. Tình hình nợ xấu của hệ thống ngân hàng tại một số địa phương ĐBSCL năm 2022

DVT: tỷ đồng

Địa phương	Dư nợ	Nợ xấu	Tỷ lệ nợ xấu
An Giang	105.000	966	0,92%
Bạc Liêu	38.700	580	1,50%
Bến Tre	55.070	386	0,70%
Hậu Giang	34.053	1.022	3,00%
Long An	117.741	856	0,73%
Sóc Trăng	54.117	1.624	3,00%
Vĩnh Long	42.137	620	1,47%

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Kinh tế xã hội các địa phương

Mặc dù tăng trưởng tín dụng có những thành tích ấn tượng, thiếu hụt nguồn vốn huy động lại là khó khăn lớn của hệ thống ngân hàng tại ĐBSCL. Bảng 3 cho thấy, trong giai đoạn 2019 - 2022, tỷ lệ dư nợ/vốn huy động đều lớn 100% và ngày càng tăng qua các năm. Điều này cho thấy huy động vốn từ các TCTD ở ĐBSCL năm 2022 tiếp tục không đảm bảo đáp ứng nhu cầu tín dụng cho nền kinh tế Vùng. Theo VCCI và Fulbright (2023), nguyên nhân thiếu hụt vốn tại ĐBSCL

đến từ tính chất kinh tế của vùng chủ yếu gắn với sản xuất nông nghiệp và kinh doanh nhỏ lẻ [9]. Trong khi đó, hoạt động nông nghiệp lại có tính chu kỳ và rủi ro cao đòi hỏi phải duy trì nguồn vốn lưu động lớn, dẫn đến mức độ tiết kiệm và tích lũy không cao. Thêm vào đó, đại dịch kéo theo suy thoái kinh tế hậu COVID-19 khiến tình hình tình hình tài chính cá nhân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng khiến cho công tác huy động vốn càng khó khăn hơn.

Bảng 3. Chênh lệch giữa dư nợ tín dụng và huy động vốn của ĐBSCL

DVT: tỷ đồng

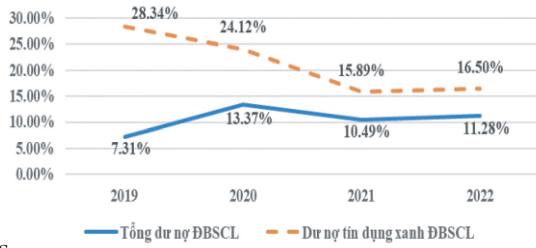
Năm	2019	2020	2021	2022
Dư nợ	661.656	731.535	834.352	976.119
Huy động vốn	571.754	612.946	653.762	732.335
Dư nợ - Huy động vốn	89.902	118.589	180.590	243.784
Tỷ lệ Dư nợ/Vốn huy động	116%	119%	128%	133%

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Chi nhánh NHNN tại các tỉnh ĐBSCL

3.2 Thúc đẩy tín dụng xanh tại ĐBSCL

Để giải quyết biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Chi thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; ban hành Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 07/8/2018 về việc phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam. Thực hiện theo chỉ đạo này, hệ thống ngân hàng tại ĐBSCL đã có hỗ trợ tạo điều kiện cho vay đối với các dự án xanh, tăng trưởng bền vững. Trong giai đoạn 2019 - 2022, tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh liên tục tăng qua các năm và tăng cao hơn so với tốc độ tăng trưởng tổng dư nợ của khu vực (Hình 1). Cụ thể, tốc độ tăng trưởng

tín dụng xanh bình quân trong giai đoạn đạt 21,23% so với tốc độ tăng trưởng tín dụng chung chỉ đạt 10,61% [9].



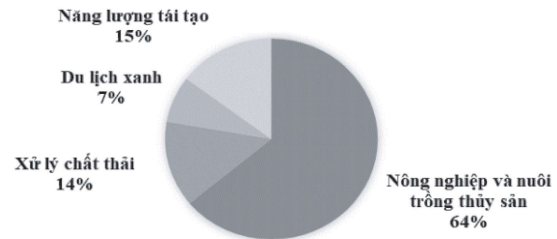
S

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng tín dụng và tín dụng xanh của DBSCL

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Chi nhánh NHNN tại các tỉnh DBSCL

Hình 2 cho thấy dư nợ cho vay tín dụng xanh của hệ thống ngân hàng ở DBSCL tập trung chủ yếu ở lĩnh vực nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; năng lượng tái tạo; xử lý chất thải và du lịch. Nguyên nhân là do DBSCL là vựa lúa của cả nước, để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, Chính phủ đã có nhiều chính sách ưu đãi cho lĩnh vực nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, như: Chương trình phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng DBSCL; Đề án Đào tạo chuyển đổi nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn vùng DBSCL đến năm 2030; Đề án Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thích ứng với BĐKH,... tất cả những chương trình này đều được cho vay ưu đãi và thuộc nguồn tín dụng xanh. Hơn thế nữa, tại DBSCL hiện nay có rất nhiều dự án điện gió dọc bờ biển các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, trong đó dự án điện gió tỉnh Bạc Liêu là dự án có công suất lớn nhất khu vực DBSCL. Các lĩnh vực còn lại như: xử lý rác thải, du lịch xanh về giá trị có tăng, nhưng đối với lĩnh vực du lịch xanh có xu hướng chậm lại do

tình hình chung của nền kinh tế. Ngoài ra, thực hiện chính sách mua điện năng lượng áp mái của Chính phủ cũng là một trong những nguyên nhân giúp dư nợ tín dụng xanh thời gian qua tại DBSCL tăng đáng kể (Ngô Văn Thiện, 2023) [6].



Hình 2. Tín dụng xanh tại DBSCL theo lĩnh vực năm 2021

Nguồn: Tổng hợp báo cáo thường niên của các TCTD khu vực DBSCL

Song song với những ưu điểm trên, tín dụng xanh tại DBSCL vẫn còn nhiều hạn chế. Ngô Văn Thiện (2023) [6] chỉ ra rằng phát triển tín dụng xanh tại các NHTM khu vực DBSCL vẫn đang trong giai đoạn đầu và tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh chỉ chiếm khoảng 5-6% trên tổng dư nợ chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của các NHTM khu vực [6]. Điều này xuất phát từ những nguyên nhân khách quan như nhiều ngành nghề của địa phương hiện hoạt động rất hiệu quả và thuộc lĩnh vực tài trợ tín dụng xanh, nhưng xét về mặt môi trường lại không đủ điều kiện vay, như: các nhà máy bột cá, chế biến thủy sản, do chưa đảm bảo về mặt môi trường. Ngoài ra, thủ tục quy định quá phiền hà, nhiều doanh nghiệp chưa đủ nhận thức hoặc chưa đủ điều kiện về mặt thủ tục, nên không tiếp cận được với nguồn vốn này.

3.3 Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và ngân hàng điện tử trong khu vực

Việc chuyển đổi số đã trở thành xu hướng hàng đầu của nền kinh tế toàn cầu. Một phần quan trọng của quá trình này là sự thúc đẩy hoạt động

thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM). Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó, nhanh chóng thích nghi và góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế thông qua hoạt động TTKDTM. Trong đó, ĐBSCL với dân số ngày càng tăng và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số được cải thiện. Các ngân hàng hoạt động trong khu vực đã báo cáo sự gia tăng ổn định trong việc sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến và di động. Điều này có thể là do các yếu tố như sự thâm nhập Internet ngày càng tăng, quyền sở hữu điện thoại thông minh và sự tiện lợi mà nền tảng ngân hàng số mang lại. Hơn nữa, việc áp dụng hệ thống thanh toán điện tử cũng đã thu hút được sự chú ý ở ĐBSCL. Thanh toán bằng mã QR, thanh toán không tiếp xúc và ví điện tử đã trở thành lựa chọn phổ biến cho cả cá nhân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của giao dịch không dùng tiền mặt trong khu vực.

Riêng tại Cần Thơ, thành phố sầm uất và phát triển nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, với vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và thương mại của cả vùng đã có những thống kê ấn tượng về hoạt động TTKDTM. Cụ thể, theo Đinh Tấn Phong (2024) [1]:

Về số tài khoản giao dịch: Đến cuối năm 2023, các TCTD trên địa bàn đã thực hiện mở tài khoản giao dịch thanh toán cho 2.604.412 người (năm 2022 là 1.664.183 người), trong đó 1.620.932 người có hộ khẩu thường trú trên địa bàn TP Cần Thơ có tài khoản giao dịch đang còn hoạt động tại ngân hàng (năm 2022 là 1.244.243 người). So cùng kỳ năm trước tăng 56,5 % (trong đó, người có hộ khẩu thường trú trên địa bàn TP. Cần Thơ tăng 30,27%).

Về kết quả thanh toán qua các TCTD: (i) Thanh toán nội bộ: là hệ thống thanh toán chủ yếu của các TCTD, năm 2023 đã thanh toán 42.344.826 món,

với số tiền là 539.632 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 35,46% về số món và 36,04% về số tiền trong tổng TTKDTM. (ii) Thanh toán bù trừ điện tử song phương: đã thanh toán 1.473.872 món, số tiền tỷ đồng. (iii) Thanh toán qua Internet banking, SMS banking, Home banking,... là 63.412.824 món, với tổng giá trị là 803.205 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 53,1% số món và 53,65% số tiền trong tổng TTKDTM; so cùng kỳ năm 2022 tăng 11,7% số món và tăng 4,83% số tiền. (iv) Thanh toán trực tuyến phục vụ cho giao dịch thương mại điện tử là 9.755.591 món, số tiền 49.095 tỷ đồng tăng 11% về số món nhưng giảm 64% về giá trị so với năm 2022. (v) Thanh toán qua NHNN với 9.470 món, số tiền 99.080 tỷ đồng, trong đó: Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng là 9.047 món, số tiền 97.221 tỷ đồng; Thanh toán qua NHNN là 423 món với số tiền 1.859 tỷ đồng.

Qua các số liệu trên cho thấy, hoạt động TTKDTM trên địa bàn trong năm 2023 vẫn tăng trưởng mạnh so cùng kỳ cả về cơ sở vật chất, số lượng và giá trị thanh toán, trong đó đáng kể nhất là thanh toán qua Internet banking, SMS banking, Home banking,... Các TCTD chủ yếu phát triển thanh toán theo hướng tập trung về Hội sở hoặc Trung tâm thanh toán của đơn vị, đồng thời đẩy mạnh phát triển các hình thức thanh toán điện tử, Internet banking, SMS banking, Home banking,...

Về tình hình phát triển ATM, POS và phát hành thẻ: (i) Đối với ATM: Đến cuối năm 2023, trên địa bàn thành phố Cần Thơ có 413 máy ATM, tăng 35 máy so với cuối năm 2022 được quản lý bởi 45 chi nhánh TCTD. (ii) Đối với POS/EFTPOS/EDC: Đến cuối năm 2023, các TCTD, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đã trang bị 8.263 chiếc, so với năm 2022 tăng 1.134 chiếc, tỷ lệ tăng 15,91%. Số lượng đơn vị chấp

nhận thẻ năm 2023 là 6.179 đơn vị, tăng 709 đơn vị, tương ứng tỷ lệ tăng là 12,96%. Thanh toán giao dịch qua POS năm 2023 tăng đáng kể, cụ thể: thực hiện giao dịch 2.443.558 món, với số tiền 7.032 tỷ đồng; tăng 167.509 món, tăng 7% so với năm 2022, với số tiền là 3.011 tỷ đồng, tăng 174,79 %. (iii) Phát hành thẻ: Số thẻ đã phát hành và đang còn hoạt động đến cuối năm 2023 là: 1.797.332 thẻ, tăng 415.295 thẻ, tăng 30,05% so cuối năm 2022.

Bên cạnh kết quả đạt được hoạt động TTKDTM và ngân hàng điện tử tại các NHTM ở ĐBSCL vẫn còn một số tồn tại (Phong, 2024; Ngọc et al., 2023). Đầu tiên, thói quen dùng tiền mặt trong thanh toán ở cả người mua và người bán [1],[7]. Các đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) còn có tâm lý “e dè” khi thực hiện thanh toán qua thẻ vì thấy không an tâm bằng thu tiền mặt. Ngân hàng khó tiếp cận ĐVCNT ở địa bàn do đơn vị còn e ngại mức phí chia sẻ với TCTD nên việc thanh toán qua POS còn hạn chế. Ngoài ra, vấn đề an toàn trong bảo mật tài khoản và thanh toán cũng là một rào cản đáng kể. Tội phạm sử dụng công nghệ cao ngày càng tinh vi với nhiều chiêu trò lừa đảo chuyên nghiệp gây tâm lý e ngại cho người dân trong quá trình sử dụng các hoạt động thanh toán.

3.4 Thách thức và kiến nghị đối với hoạt động ngân hàng ở ĐBSCL

Qua phân tích, nghiên cứu chỉ ra một số thách thức của hệ thống ngân hàng tại khu vực như sau:

Thứ nhất, nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội của ĐBSCL còn cao, trong khi nguồn vốn huy động từ ngân hàng còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do tỷ lệ tiết kiệm của người dân thấp so với mức bình quân chung cả nước; các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng do thiếu tài sản đảm bảo và năng lực

tài chính yếu. Việc thiếu hụt nguồn vốn ảnh hưởng đến khả năng cho vay của ngân hàng, kìm hãm tốc độ phát triển kinh tế khu vực. Nắm được các nguyên do trên, hệ thống ngân hàng ở ĐBSCL nên tập trung vào việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức tiết kiệm của người dân, đồng thời phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tiết kiệm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Ngân hàng có thể triển khai phân khúc khách hàng chuyên sâu, chia thành các nhóm khách hàng dựa trên quy mô sản xuất, loại cây trồng, thời điểm thu hoạch,... Từ đó, ngân hàng phát triển các sản phẩm huy động vốn phù hợp với đặc điểm của từng nhóm khách hàng, như sản phẩm huy động theo mùa vụ thu hoạch lúa, nuôi trồng, đánh bắt,... Nhờ vậy, khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn sản phẩm phù hợp, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và gia tăng lợi nhuận. Ngoài ra, ngân hàng có thể hỗ trợ các doanh nghiệp trong phát hành trái phiếu, cổ phiếu để tự huy động vốn.

Thứ hai, dù hiện tại tỷ lệ nợ xấu đang ở mức từ 3% trở xuống, tuy nhiên khả năng tỷ lệ nợ xấu sẽ tăng cao trong thời gian tới do nền kinh tế còn nhiều khó khăn. Thêm nữa, nền kinh tế ĐBSCL chủ yếu dựa vào nông nghiệp, vốn dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, dịch bệnh,... Khả năng thanh toán của các hộ gia đình, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn yếu. Trong khi đó, chính sách bảo hiểm rủi ro cho hoạt động sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Rủi ro tín dụng cao ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng, có thể dẫn đến nợ xấu gia tăng và ảnh hưởng đến sự ổn định của hệ thống tài chính. Trong thời gian tới, hệ thống ngân hàng cần tập trung nâng cao năng lực của cán bộ chuyên trách trong việc thẩm định, phân tích đánh giá khách hàng, phương án sản xuất kinh doanh sao cho phù

hợp với đặc tính của hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Các nhân viên tín dụng cần thường xuyên theo dõi để nắm bắt tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài chính và các rủi ro của khách hàng. Đối với khách hàng gặp khó khăn, ngân hàng có thể hỗ trợ bằng cách cho vay thêm, điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, giảm lãi. Khi phát hiện khách hàng không có khả năng trả nợ, chi nhánh ngân hàng phải có những biện pháp xử lý kịp thời theo quy trình. Bên cạnh đó, ngân hàng còn cần phải trích lập quỹ dự phòng rủi ro kết hợp với theo dõi và đôn đốc thu hồi nợ quá hạn và nợ khó đòi.

Thứ ba, tín dụng xanh dù được các ngân hàng quyết liệt triển khai nhưng vẫn còn chiếm tỷ trọng quá nhỏ chỉ 5-6% trong tổng dư nợ. Theo VCCI và Fulbright (2023), nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống ngân hàng Việt Nam chưa có sự chuẩn bị tốt về hạ tầng cứng và mềm. Các ngân hàng chỉ đưa ra các quy chế điều hành nhằm đáp ứng yêu cầu của Nhà nước. Trong khi đó, việc triển khai vẫn còn nhiều hạn chế về các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể; cán bộ chuyên trách; quy trình thẩm định riêng đối với các khoản cấp tín dụng xanh;... [9]. Để có thể thúc đẩy tín dụng xanh, Chính phủ và NHNN nên xây dựng bộ tiêu chí nhằm xác định dự án xanh cho từng ngành kinh tế làm cơ sở cho các TCTD có căn cứ thẩm định, đánh giá và giám sát các khoản tín dụng xanh. Thêm vào đó, nhà nước nên có cơ chế hỗ trợ nông dân sản xuất nông nghiệp bền vững, đưa doanh nghiệp đến với nông dân cùng xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị. Về phía các ngân hàng, cần xây dựng chiến lược cấp tín dụng xanh cho những ngành nghề được khuyến khích hỗ trợ; hoàn thiện quy trình thẩm định và quản lý rủi ro cho các dự án vay xanh. Đồng thời, các ngân hàng cần phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền

nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về tín dụng xanh.

Cuối cùng, tuy hệ thống TTKDTM ngày càng được phổ biến nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề. Một số người dân, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, còn quen thuộc với thói quen thanh toán bằng tiền mặt, chưa tin tưởng vào các phương thức thanh toán điện tử. Một số ngân hàng và nhà cung cấp dịch vụ TTKDTM còn thu phí cao cho các giao dịch, khiến cho người dân e dè trong việc sử dụng. Nguy cơ tấn công mạng, đánh cắp thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng,... luôn tiềm ẩn trong các giao dịch TTKDTM, gây lo ngại cho người sử dụng. Nhằm tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác tổ chức triển khai TTKDTM, các ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ TTKDTM để thanh toán phí dịch vụ trong lĩnh vực hành chính công; thanh toán các loại cước, phí định kỳ, thanh toán trong thương mại điện tử, hóa đơn điện, nước, học phí, viện phí, chi trả lương hưu và các chương trình trợ cấp an sinh xã hội. Đồng thời, ngân hàng cần giải quyết tâm lý e ngại sử dụng TTKDTM do vấn đề bảo mật của dân chúng thông qua việc phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai lắp đặt các phương tiện, thiết bị phục vụ thanh toán tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ... nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các nguy cơ, rủi ro phát sinh, đảm bảo hoạt động thanh toán trên địa bàn hoạt động an toàn, hiệu quả và thông suốt.

4. KẾT LUẬN

Thông qua các công trình nghiên cứu cũng như các số liệu thực tế, có thể thấy vai trò then chốt của hệ thống ngân hàng trong việc thúc đẩy nền kinh tế khu vực. Nguồn vốn ngân hàng hỗ trợ

các hộ gia đình, doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực. Hệ thống thanh toán qua ngân hàng giúp cho việc sử dụng các dịch vụ thanh toán điện tử ngày càng phổ biến, góp phần thúc đẩy thương mại điện tử, tiết kiệm chi phí và thời gian cho giao dịch. Tuy nhiên, thực trạng cũng thể hiện rõ, hoạt động ngân hàng tại ĐBSCL vẫn còn phải đối mặt với một số thách thức xuất phát từ nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan. Do đó, để đối mặt với các thách thức đã đề ra, các ngân hàng cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể ở địa phương để đưa ra phương hướng giải quyết vấn đề một cách thích đáng và có cơ sở để áp dụng các biện pháp thúc đẩy hoạt động ngân hàng trong phạm vi khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Tấn Phong (2024). Cần Thơ: Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tăng trưởng mạnh [trực tuyến]. *Tạp chí Tài chính Thị trường tiền tệ*.
<https://thitruongtaichinhiente.vn/can-tho-hoat-dong-thanh-toan-khong-dung-tien-mat-tang-truong-manh-56406.html>. Truy cập ngày 30/04/2024.
- [2] Ngân hàng Nhà nước. (2019). *Báo cáo thường niên 2019*. NXB Thông tin và Truyền thông.
- [3] Ngân hàng Nhà nước. (2020). *Báo cáo thường niên 2020*. NXB Thông tin và Truyền thông.
- [4] Ngân hàng Nhà nước. (2021). *Báo cáo thường niên 2021*. NXB Thông tin và Truyền thông.
- [5] Ngân hàng Nhà nước. (2022). *Báo cáo thường niên 2022*. NXB Thông tin và Truyền thông.
- [6] Ngô Văn Thiện (2023). Phát triển tín dụng xanh tại Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 56(26).
- [7] Ngọc, N. T. A., Hoà, Đ. T. T. & Diễm, N. T. (2023). Tác động của chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử đến sự hài lòng của khách hàng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long [trực tuyến]. *Tạp chí Ngân hàng*.
<https://tapchinganhang.gov.vn/tac-dong-cua-chat-luong-dich-vu-ngan-hang-dien-tu-den-su-hai-long-cua-khach-hang-khu-vuc-dong-bang-song-cuu-long-11404.html>.
- [8] Tổng cục Thống kê. (2023). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (Tổng hợp)*.
<https://www.gso.gov.vn/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-hang-thang>.
- [9] VCCI và Fulbright. (2023). *Báo cáo kinh tế thường niên Đồng bằng sông Cửu Long 2023: Các nút thắt thể chế, quản trị và liên kết vùng*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.